HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 17/2025/NQ-HĐND	*Ninh Bình, ngày 30 tháng 10 năm 2025*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Xét Tờ trình số 100/TTr-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Ninh Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Ninh Bình.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng từ năm ngân sách 2026.

2. Các Nghị quyết sau hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Ninh Bình;

b) Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định quy định phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi cho các cấp ngân sách tỉnh Nam Định năm 2025;

c) Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Hà Nam.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa XV, Kỳ họp thứ tư thông qua ngày 30 tháng 10 năm 2025./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC- Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 3;
- Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Thường trực Đảng uỷ, HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Lê Quốc Chỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Ninh Bình

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng với cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Ngân sách địa phương tỉnh Ninh Bình

1. Ngân sách tỉnh bao gồm ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã.

2. Ngân sách cấp xã là ngân sách của các xã, phường thuộc tỉnh.

Điều 4. Nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp chính quyền địa phương tỉnh Ninh Bình

1. Ngân sách cấp tỉnh giữ vai trò chủ đạo, đồng thời đảm bảo sự chủ động, sáng tạo và tạo động lực cho cấp xã; Ngân sách tỉnh bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ chi của tỉnh; đồng thời hỗ trợ các xã, phường chưa cân đối được ngân sách và hỗ trợ các xã, phường theo quy định.

2. Ngân sách mỗi cấp chính quyền địa phương được phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi cụ thể, trong đó:

a) Chi thường xuyên: Thực hiện phân cấp tối đa cho ngân sách cấp xã.

b) Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất thực hiện theo điều kiện cụ thể của từng xã, phường.

c) Đối với các xã, phường không có nguồn thu tiền sử dụng đất, tỉnh sẽ thực hiện bổ sung mục tiêu vốn đầu tư cho các xã, phường để đảm bảo phù hợp, hài hòa và cân đối.

3. Đảm bảo quy định chặt chẽ, thống nhất giữa phân cấp nguồn thu và phân cấp quản lý thu. Phù hợp với phân cấp nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh đối với từng lĩnh vực và đặc điểm kinh tế, địa lý, dân cư, trình độ quản lý của từng địa phương.

4. Việc ban hành và thực hiện chính sách, chế độ mới làm tăng chi ngân sách phải có giải pháp bảo đảm nguồn tài chính, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách từng cấp; việc quyết định đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách phải bảo đảm trong phạm vi ngân sách theo phân cấp.

5. Thực hiện phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách và số bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới trên cơ sở bảo đảm công bằng, phát triển cân đối giữa các xã, phường.

6. Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm, trừ các trường hợp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Chương II

PHÂN CẤP NGUỒN THU VÀ TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG TỈNH NINH BÌNH

Mục 1

PHÂN CẤP NGUỒN THU NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Điều 5. Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%

1. Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do cấp tỉnh quản lý.

2. Thu từ hoạt động xổ số kể cả hoạt động xổ số điện toán.

3. Thu từ quỹ dự trữ tài chính của tỉnh.

4. Thu viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, tổ chức khác, cá nhân nước ngoài trực tiếp cho ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

5. Lệ phí do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện thu.

6. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh quản lý thực hiện (không bao gồm phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, phí bảo vệ môi trường đối với nước thải). Các khoản phí thu từ các hoạt

động dịch vụ công do đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh quản lý thực hiện và tổ chức được cơ quan nhà nước cấp tỉnh giao cung cấp dịch vụ công nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

7. Thu từ huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp vào ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

8. Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh.

9. Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước trực thuộc cấp tỉnh thực hiện và nộp theo quy định của pháp luật.

10. Thu nộp ngân sách nhà nước từ khai thác, xử lý tài sản công do cơ quan tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

11. Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; cổ tức được chia bằng tiền, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình đại diện chủ sở hữu.

12. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp phép.

13. Thu tiền sử dụng khu vực biển đối với trường hợp giao khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của địa phương.

14. Thu lệ phí trước bạ, không kể lệ phí trước bạ nhà, đất.

15. Khoản thu từ người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa.

16. Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp tỉnh từ năm trước chuyển sang.

17. Các khoản thu khác nộp vào ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật, bao gồm thu tiền đặt trước của người tham gia đấu giá quyền sử dụng đất không được nhận lại theo quy định tại khoản 6 Điều 39 Luật Đấu giá tài sản (sau khi đã trừ đi các khoản chi phí chi phục vụ cho hoạt động đấu giá).

18. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương.

Điều 6. Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%

1. Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước do cấp xã quản lý.

2. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác.

3. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, tổ chức khác, cá nhân nước ngoài trực tiếp cho ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật.

4. Thu từ huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp vào ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật.

5. Thu nộp ngân sách nhà nước từ khai thác, xử lý tài sản công do cơ quan tổ chức, đơn vị thuộc cấp xã quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

6. Lệ phí do cấp xã thực hiện thu.

7. Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt khác theo quy định của pháp luật do cấp xã thực hiện theo quy định của pháp luật.

8. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cấp xã thực hiện (không bao gồm phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, phí bảo vệ môi trường đối với nước thải). Các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ công do đơn vị sự nghiệp công lập cấp xã quản lý thực hiện và tổ chức được cơ quan nhà nước cấp xã giao cung cấp dịch vụ công nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

9. Các khoản thuế, phí thu từ các hộ gia đình, cá nhân kinh doanh có tính chất vãng lai trên địa bàn các xã, phường như: Thu từ YouTuber, kinh doanh bán hàng Online nhận tiền trực tiếp từ nước ngoài và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

10. Thu kết dư ngân sách cấp xã.

11. Các khoản thu khác nộp vào ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật.

12. Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp xã từ năm trước chuyển sang.

13. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh.

Mục 2

CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA VÀ TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Điều 7. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã đối với phần ngân sách địa phương được hưởng từ các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương (phần ngân sách địa phương được hưởng được coi như 100%)

1. Thuế thu nhập doanh nghiệp (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí và thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy

định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu và thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động xổ số) kể cả doanh nghiệp hạch toán phụ thuộc được phân chia như sau:

a) Thu từ các doanh nghiệp nhà nước của Trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các tổ chức có sản xuất kinh doanh khác do Thuế tỉnh là cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo quy định của pháp luật: Phân chia cho ngân sách cấp tỉnh 100%;

b) Thu từ doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các tổ chức có sản xuất kinh doanh khác trên địa bàn các xã, phường do Thuế cơ sở là cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo quy định của pháp luật: Phân chia ngân sách cấp xã 100%.

2. Thuế thu nhập cá nhân được phân chia như sau:

a) Thuế thu nhập cá nhân (trừ thuế thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản và thuế thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân): Phân chia ngân sách cấp tỉnh 100%;

b) Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản, thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân: Phân chia ngân sách cấp xã 100%.

3. Thuế tiêu thụ đặc biệt (trừ khoản hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hoạt động xổ số) được phân chia như sau:

a) Tổ chức, doanh nghiệp nộp thuế: Phân chia ngân sách cấp tỉnh 100%;

b) Cá nhân, hộ kinh doanh nộp thuế: Phân chia ngân sách cấp xã 100%.

4. Thuế bảo vệ môi trường: Phân chia ngân sách cấp tỉnh 100%.

5. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước do cơ quan có thẩm quyền của Trung ương cấp phép phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định: Phân chia ngân sách cấp tỉnh 100%.

6. Thuế giá trị gia tăng, bao gồm cả thuế giá trị gia tăng của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí (không bao gồm số thuế giá trị gia tăng được hoàn theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng; thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu; thuế giá trị gia tăng từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí; thuế giá trị gia tăng từ hoạt động xổ số) được phân chia như sau:

a) Thu từ các doanh nghiệp nhà nước của Trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các tổ chức có sản xuất kinh doanh, cá nhân khác do Thuế tỉnh là cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo quy định của pháp luật: Phân chia ngân sách cấp tỉnh 100%;

b) Thu từ các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, các tổ chức có hoạt động sản xuất, kinh doanh khác và thu từ các hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn các xã, phường do Thuế cơ sở là cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo quy định của pháp luật: Phân chia ngân sách cấp xã 100%.

7. Tiền thuê đất phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định được phân chia như sau:

a) Tiền thuê đất nộp một lần cho cả thời gian thuê: Phân chia ngân sách cấp tỉnh 100%;

b) Tiền thuê đất hằng năm: Phân chia ngân sách cấp tỉnh 50%, ngân sách cấp xã 50%.

8. Tiền sử dụng đất phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định nộp ngân sách nhà nước được phân chia như sau:

a) Tiền chuyển mục đích sử dụng đất theo kế hoạch hằng năm được Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt cho các tổ chức, cá nhân; thu tiền sử dụng đất khi công nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất đã sử dụng đất:

- Tại các phường: Phân chia ngân sách cấp tỉnh 60%; ngân sách cấp xã 40%;

- Tại các xã: Yên Mô, Yên Khánh, Nho Quan, Gia Viễn, Phát Diệm, Bình Mỹ, Tân Thanh, Vĩnh Trụ, Vụ Bản, Ý Yên, Nam Trực, Nghĩa Hưng, Hải Hậu, Giao Thuỷ, Xuân Trường, Cổ Lễ: Phân chia ngân sách cấp tỉnh 55%; ngân sách cấp xã 45%;

- Tại các xã còn lại: Phân chia ngân sách cấp tỉnh 50%; ngân sách cấp xã 50%.

b) Thu tiền sử dụng đất khi giao đất theo kế hoạch hằng năm được Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt cho các tổ chức, cá nhân (đấu giá quyền sử dụng đất tại các diện tích đất xen kẹp diện tích đất không đầu tư hạ tầng kỹ thuật):

- Tại các phường: Phân chia ngân sách cấp tỉnh 60%; ngân sách cấp xã 40%;

- Tại các xã: Yên Mô, Yên Khánh, Nho Quan, Gia Viễn, Phát Diệm, Bình Mỹ, Tân Thanh, Vĩnh Trụ, Vụ Bản, Ý Yên, Nam Trực, Nghĩa Hưng, Hải Hậu, Giao Thuỷ, Xuân Trường, Cổ Lễ: Phân chia ngân sách cấp tỉnh 55%; ngân sách cấp xã 45%;

- Tại các xã còn lại: Phân chia ngân sách cấp tỉnh 50%; ngân sách cấp xã 50%.

c) Thu tiền sử dụng đất từ các khu đất được Nhà nước đầu tư hạ tầng kỹ thuật gồm các khu đô thị, khu tái định cư, khu (điểm) dân cư tập trung trên địa bàn các xã, phường do các Ban quản lý dự án khu vực, chuyên ngành của tỉnh làm chủ đầu tư trước ngày 01/01/2026:

- Tại các phường: Phân chia ngân sách cấp tỉnh 85%; ngân sách cấp xã 15%;

- Tại các xã: Yên Mô, Yên Khánh, Nho Quan, Gia Viễn, Phát Diệm, Bình Mỹ, Tân Thanh, Vĩnh Trụ, Vụ Bản, Ý Yên, Nam Trực, Nghĩa Hưng, Hải Hậu, Giao Thuỷ, Xuân Trường, Cổ Lễ: Phân chia ngân sách cấp tỉnh 80%; ngân sách cấp xã 20%;

- Tại các xã còn lại: Phân chia ngân sách cấp tỉnh 75%; ngân sách cấp xã 25%.

Giao Uỷ ban nhân dân tỉnh xác định cụ thể các khu đất quy định tại điểm này, chỉ đạo tổ chức thực hiện đảm bảo quy định của pháp luật.

d) Thu tiền sử dụng đất từ các khu đất được nhà nước đầu tư hạ tầng gồm các khu đô thị, khu tái định cư, khu (điểm) dân cư tập trung trên địa bàn các xã, phường (trừ các khu đất quy định tại điểm c khoản này):

- Tại các phường: Phân chia ngân sách cấp tỉnh 35%; ngân sách cấp xã 65% (đã bao gồm chi phí về đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và các chi phí khác có liên quan theo quy định).

- Tại các xã: Yên Mô, Yên Khánh, Nho Quan, Gia Viễn, Phát Diệm, Bình Mỹ, Tân Thanh, Vĩnh Trụ, Vụ Bản, Ý Yên, Nam Trực, Nghĩa Hưng, Hải Hậu, Giao Thuỷ, Xuân Trường, Cổ Lễ: Phân chia ngân sách cấp tỉnh 30%; ngân sách cấp xã 70% (đã bao gồm chi phí về đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và các chi phí khác có liên quan theo quy định).

- Tại các xã còn lại: Phân chia ngân sách cấp tỉnh 25%; ngân sách cấp xã 75% (đã bao gồm chi phí về đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và các chi phí khác có liên quan theo quy định).

đ) Thu tiền sử dụng đất từ các khu đất giao cho nhà đầu tư theo hình thức lựa chọn nhà đầu tư, đấu giá quyền sử dụng đất, các hình thức khác theo quy định của pháp luật để thực hiện dự án trên địa bàn các xã, phường: Phân chia ngân sách cấp tỉnh 95%; ngân sách cấp xã 5% nhưng tối đa không quá 100 tỷ đồng/năm, trường hợp ngân sách cấp xã được hưởng vượt 100 tỷ đồng/năm thì số vượt được điều tiết về ngân sách cấp tỉnh.

Điều 8. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã từ các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách địa phương

1. Thuế tài nguyên (trừ thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí) được phân chia như sau:

a) Thu từ các doanh nghiệp nhà nước của Trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các tổ chức có sản xuất kinh doanh khác: Phân chia ngân sách cấp tỉnh 100%;

b) Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh trên địa bàn xã, phường: Phân chia ngân sách cấp xã 100%.

2. Thuế sử dụng đất nông nghiệp: Phân chia ngân sách cấp xã 100%.

3. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: Phân chia ngân sách cấp xã 100%.

4. Lệ phí trước bạ nhà, đất: Phân chia ngân sách cấp xã 100%.

5. Tiền cho thuê mặt nước:

a) Tiền thuê mặt nước nộp một lần cho cả thời gian thuê: Phân chia ngân sách cấp tỉnh 100%;

b) Tiền thuê mặt nước hằng năm: Phân chia ngân sách cấp tỉnh 50%, ngân sách cấp xã 50%.

6. Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản (trừ dầu thô và khí thiên nhiên, khí than) được phân chia như sau:

a) Tổ chức, doanh nghiệp nộp phí: Phân chia ngân sách cấp tỉnh 100%;

b) Cá nhân, hộ kinh doanh nộp phí: Phân chia ngân sách cấp xã 100%.

7. Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải được phân cấp như sau:

a) Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp: Phân chia ngân sách cấp tỉnh 100%;

b) Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt: Phân chia ngân sách cấp xã 100%.

8. Thu tiền chậm nộp được phân chia như sau:

a) Đối với khoản thu tiền chậm nộp được hạch toán riêng theo từng tiểu mục: Thực hiện phân chia cho các cấp ngân sách địa phương theo khoản thu phát sinh tiền chậm nộp;

b) Đối với khoản thu tiền chậm nộp nhưng không hạch toán riêng (chưa có tiểu mục để hạch toán riêng tiền chậm nộp) thực hiện phân chia như sau:

Số thu tiền chậm nộp ngân sách từ người nộp do cấp tỉnh hoặc Thuế tỉnh quản lý thu thì phân chia ngân sách cấp tỉnh 100%. Riêng khoản thu tiền chậm nộp do đơn vị thuộc cấp Trung ương quản lý nộp ngân sách những địa phương được hưởng: Phân chia ngân sách cấp tỉnh 100%;

Số thu tiền chậm nộp ngân sách từ người nộp do cấp xã hoặc Thuế cơ sở quản lý: Phân chia ngân sách cấp xã 100%.

Chương III

NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Điều 9. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh

1. Chi đầu tư phát triển, gồm:

a) Chi đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác do tỉnh quản lý theo quy định của Luật Đầu tư công.

Đối với chi đầu tư cho các dự án từ nguồn thu tiền sử dụng đất phần ngân sách tỉnh hưởng:

- Đầu tư các dự án, công trình thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh;

- Bổ sung mục tiêu vốn đầu tư cho các xã, phường không phát sinh hoặc có nguồn thu tiền sử dụng đất thấp.

b) Chi đầu tư cho các dự án đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương; hỗ trợ địa phương khác đầu tư xây dựng dự án, công trình trọng điểm, liên kết vùng, liên kết quốc gia, liên kết quốc tế, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ quan trọng khác;

c) Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của địa phương; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp của địa phương theo quy định của pháp luật;

d) Cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý và ủy thác cho vay qua ngân hàng chính sách để thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

đ) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh được phân cấp trong các lĩnh vực, gồm:

a) Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề;

b) Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

c) Chi quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội phần giao tỉnh quản lý; hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách trung ương;

d) Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình;

đ) Chi sự nghiệp văn hóa thông tin;

e) Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình;

g) Chi sự nghiệp thể dục, thể thao;

h) Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường;

i) Chi cho các hoạt động kinh tế, gồm:

- Sự nghiệp giao thông, bao gồm hoạt động bảo trì, quản lý sử dụng, khai thác kết cấu hạ tầng giao thông và hoạt động giao thông khác do cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện;

- Sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn, bao gồm hoạt động bảo vệ, nuôi trồng, chăm sóc, bảo dưỡng, sửa chữa, vận hành, khai thác trong nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi; định canh, định cư và phát triển nông thôn do cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện;

- Sự nghiệp tài nguyên, bao gồm hoạt động quản lý sử dụng, khai thác đất đai; tài nguyên; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ; biển và hải đảo; hoạt động quản lý tài nguyên khác do cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện;

- Quy hoạch; xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch;

- Sự nghiệp kiến thiết thị chính: duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, tiền điện thắp sáng trên đường phố, cây xanh và các hoạt động kiến thiết thị chính khác do cấp tỉnh quản lý;

- Các hoạt động kinh tế khác thuộc cấp tỉnh quản lý.

k) Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh; hỗ trợ các tổ chức xã hội cấp tỉnh theo quy định của pháp luật;

l) Chi đảm bảo xã hội;

m) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền cấp tỉnh vay.

4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính của tỉnh.

5. Chi viện trợ theo quy định của Chính phủ.

6. Chi cho vay theo quy định của Chính phủ.

7. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp tỉnh.

8. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã.

9. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ:

a) Ngân sách tỉnh hỗ trợ cho các đơn vị thuộc cấp trên quản lý đóng trên địa bàn tỉnh trong trường hợp cần khẩn trương huy động lực lượng cấp trên khi

xảy ra thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và các trường hợp cần thiết khác để bảo đảm ổn định tình hình kinh tế - xã hội, an ninh và trật tự, an toàn xã hội của tỉnh;

b) Các đơn vị cấp trên quản lý đóng trên địa bàn tỉnh khi thực hiện chức năng của mình, kết hợp thực hiện một số nhiệm vụ theo yêu cầu của cấp tỉnh;

c) Sử dụng dự phòng ngân sách cấp tỉnh để hỗ trợ địa phương khác khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và một số nhiệm vụ quan trọng, cấp bách khác.

Điều 10. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã

1. Chi đầu tư phát triển, gồm:

a) Chi đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác do cấp xã quản lý theo quy định của Luật Đầu tư công; chi thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng đối với các khu đấu giá quyền sử dụng đất được tỉnh giao cấp xã là chủ đầu tư trực tiếp thực hiện.

b) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị cấp xã được phân cấp trong các lĩnh vực, gồm:

a) Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề;

b) Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

c) Chi quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội thuộc quyền quản lý của cấp xã;

d) Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình;

đ) Chi sự nghiệp văn hóa thông tin;

e) Chi sự nghiệp phát thanh, truyền thanh;

g) Chi sự nghiệp thể dục, thể thao;

h) Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường;

i) Chi cho các hoạt động kinh tế:

- Sự nghiệp giao thông, bao gồm hoạt động bảo trì, quản lý sử dụng, khai thác kết cấu hạ tầng giao thông và hoạt động giao thông khác do cấp xã quản lý thực hiện;

- Sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn, bao gồm hoạt động bảo vệ, nuôi trồng, chăm sóc, bảo dưỡng, sửa chữa, vận hành, khai thác trong nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi; định canh, định cư và phát triển nông thôn do cấp xã quản lý thực hiện;

- Sự nghiệp tài nguyên, bao gồm hoạt động quản lý sử dụng, khai thác đất đai; tài nguyên; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ; biển và hải đảo; hoạt động quản lý tài nguyên khác do cấp xã quản lý thực hiện;

- Sự nghiệp kiến thiết thị chính: duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, tiền điện thắp sáng trên đường phố, cây xanh và các hoạt động kiến thiết thị chính khác do cấp xã quản lý;

- Các hoạt động kinh tế khác thuộc cấp xã quản lý.

k) Chi cho các hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã; hỗ trợ các tổ chức xã hội cấp xã theo quy định của pháp luật;

l) Chi đảm bảo xã hội;

m) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp xã.

4. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ:

a) Ngân sách cấp xã hỗ trợ cho các đơn vị thuộc cấp trên quản lý đóng trên địa bàn trong trường hợp cần khẩn trương huy động lực lượng cấp trên khi xảy ra thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và các trường hợp cần thiết khác để bảo đảm ổn định tình hình kinh tế - xã hội, an ninh và trật tự, an toàn xã hội của địa phương;

b) Các đơn vị cấp trên quản lý đóng trên địa bàn khi thực hiện chức năng của mình, kết hợp thực hiện một số nhiệm vụ theo yêu cầu của địa phương;

c) Sử dụng dự phòng ngân sách cấp xã để hỗ trợ địa phương khác khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và một số nhiệm vụ quan trọng, cấp bách khác./.